

Số: 17/2011/TT-BNNPTNT

Hà Nội, ngày 06 tháng 4 năm 2011

THÔNG TƯ

**SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, BÃI BỎ MỘT SỐ QUY ĐỊNH VỀ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TRONG
LĨNH VỰC TRỒNG TRỌT THEO NGHỊ QUYẾT SỐ 57/NQ-CP NGÀY 15 THÁNG 12 NĂM
2010**

Căn cứ Nghị định số 01/2008/NĐ-CP ngày 03 tháng 01 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Nghị định số 75/2009/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2009 của Chính phủ về việc sửa đổi Điều 3, Nghị định số 01/2008/NĐ-CP ngày 03 tháng 01 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Nghị quyết số 57/NQ-CP ngày 15 tháng 12 năm 2010 của Chính phủ về việc đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực trồng trọt theo Nghị quyết số 57/NQ-CP ngày 15 tháng 12 năm 2010 như sau:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều Quy chế chứng nhận Quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (VietGAP) cho rau, quả và chè an toàn ban hành kèm theo Quyết định 84/2008/QĐ-BNN ngày 28 tháng 7 năm 2008 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (sau đây gọi là Quyết định 84/2008/QĐ-BNN)

1. Tên Quy chế được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Quy chế Chứng nhận Quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (VietGAP) cho sản phẩm trồng trọt”

2. Điều 1 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này quy định trình tự, thủ tục và trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc chứng nhận sản phẩm trồng trọt được sản xuất phù hợp Quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (VietGAP).

2. Quy chế này áp dụng đối với cơ quan nhà nước, tổ chức chứng nhận và tổ chức, cá nhân đăng ký chứng nhận sản phẩm trồng trọt được sản xuất phù hợp Quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (VietGAP)”.

3. Điều 2 được sửa đổi, bổ sung như sau:

" Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Quyết định 84/2008/QĐ-BNN các từ ngữ được hiểu như sau:

1. Quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (VietGAP - Vietnamese Good Agricultural Practices) cho sản phẩm trồng trọt là những nguyên tắc, trình tự, thủ tục hướng dẫn tổ chức, cá nhân sản xuất, thu hoạch, sơ chế nhằm bảo đảm an toàn, nâng cao chất lượng sản phẩm, đảm bảo phúc lợi xã hội, sức khỏe người sản xuất và người tiêu dùng, bảo vệ môi trường và truy nguyên nguồn gốc sản phẩm do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành hoặc các tiêu chuẩn GAP khác do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định.

2. Tổ chức chứng nhận sản phẩm trồng trọt được sản xuất phù hợp Quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (sau đây gọi là Tổ chức Chứng nhận VietGAP) là tổ chức có đủ điều kiện theo quy định và được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chỉ định.

3. Nhà sản xuất là cá nhân hoặc tổ chức sản xuất, sơ chế sản phẩm trồng trọt đăng ký chứng nhận Quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (VietGAP).

4. Chứng nhận Quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt cho sản phẩm trồng trọt (sau đây gọi là chứng nhận VietGAP) là việc đánh giá và xác nhận sản phẩm trồng trọt của nhà sản xuất phù hợp Quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (VietGAP)".

4. Khoản 5 Điều 4 được sửa đổi, bổ sung như sau:

"Điều 4. Hình thức kiểm tra

5. Kiểm tra nội bộ do nhà sản xuất tự thực hiện hoặc thuê kiểm tra viên để tự đánh giá thực hành sản xuất, ghi chép và lưu trữ hồ sơ theo Quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (VietGAP) cho sản phẩm trồng trọt".

5. Khoản 1 Điều 5 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“ Điều 5. Đăng ký chứng nhận VietGAP

1. Nhà sản xuất đáp ứng Quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (VietGAP) cho sản phẩm trồng trọt gửi 01 bộ hồ sơ đăng ký chứng nhận VietGAP về Tổ chức Chứng nhận. Hồ sơ đăng ký gồm:

a) Giấy đăng ký chứng nhận VietGAP theo mẫu tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư này. Trong trường hợp nhà sản xuất đăng ký kiểm tra chứng nhận VietGAP là tổ chức có nhiều thành viên thì cần gửi kèm theo Danh sách thành viên (họ tên, địa chỉ, địa điểm, diện tích sản xuất);

b) Bản đồ giải thửa và phân lô khu vực sản xuất, bản thuyết minh về thiết kế, bố trí mặt bằng khu vực sản xuất, xử lý sau thu hoạch, sơ chế, bảo quản;

c) Kết quả kiểm tra nội bộ theo quy định tại Điều 8 Quyết định 84/2008/QĐ-BNN".

6. Khoản 1 Điều 7 được sửa đổi, bổ sung như sau:

"Điều 7. Kiểm tra giám sát

1. Tổ chức Chứng nhận kiểm tra giám sát định kỳ hoặc đột xuất việc duy trì thực hiện VietGAP của nhà sản xuất. Tần suất kiểm tra giám sát được xác định căn cứ trên việc duy trì thực hiện Quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (VietGAP) cho sản phẩm trồng trọt của nhà sản xuất".

7. Khoản 1 Điều 8 được sửa đổi, bổ sung như sau:

"Điều 8. Kiểm tra nội bộ

1. Nhà sản xuất phải tiến hành kiểm tra nội bộ ít nhất mỗi năm một lần để tự đánh giá sự phù hợp của thực hành sản xuất, ghi chép và lưu trữ hồ sơ theo Quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (VietGAP) cho sản phẩm trồng trọt".

8. Điều 10 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 10. Công bố sản phẩm được sản xuất phù hợp VietGAP

Tổ chức, cá nhân công bố sản phẩm trồng trọt được sản xuất phù hợp VietGAP tại Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng thuộc Sở Khoa học và Công nghệ theo quy định tại Điều 15, Điều 16 Quy định về chứng nhận hợp chuẩn, chứng nhận hợp quy và công bố hợp chuẩn, hợp quy ban hành theo Quyết định số 24/2007/QĐ-BKHCN ngày 28 tháng 9 năm 2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ".

9. Điều 13 được sửa đổi, bổ sung như sau:

"Điều 13. Điều kiện đối với Tổ chức Chứng nhận

1. Đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp, Viện nghiên cứu hoặc chi nhánh của tổ chức chứng nhận nước ngoài tại Việt Nam được chỉ định là Tổ chức Chứng nhận khi đáp ứng các điều kiện sau đây:

- a) Có cơ cấu tổ chức đáp ứng kiểm tra, đánh giá; quyết định chứng nhận và đảm bảo rằng người quyết định việc chứng nhận không phải là người tiến hành kiểm tra, đánh giá;
- b) Có các quy định về trình tự, thủ tục cấp, duy trì, gia hạn, cảnh cáo, đình chỉ và thu hồi chứng nhận VietGAP đảm bảo tính khách quan, chính xác và tuân thủ quy định của Quy chế này;
- c) Có quy định về trình tự, thủ tục lấy mẫu, thử nghiệm, đảm bảo việc thử nghiệm được thực hiện tại các phòng thử nghiệm được công nhận hoặc chỉ định về đánh giá các chỉ tiêu về an toàn vệ sinh thực phẩm;
- d) Có các quy định về thủ tục giải quyết các ý kiến phản ánh, khiếu nại và tranh chấp liên quan đến chứng nhận VietGAP;
- đ) Cán bộ có chuyên môn phù hợp (Trồng trọt, Bảo vệ thực vật, Sinh học) trình độ đại học trở lên, có chứng chỉ đào tạo về VietGAP và có kinh nghiệm công tác từ 03 (ba) năm trở lên.

2. Các tổ chức được công nhận đạt tiêu chuẩn TCVN 7457:2004 hoặc ISO/IEC Guide 65:1996 – Yêu cầu chung đối với các tổ chức điều hành hệ thống chứng nhận sản phẩm được ưu tiên xem xét chỉ định là Tổ chức Chứng nhận”.

10. Khoản 2 Điều 14 được sửa đổi, bổ sung như sau:

"Điều 14. Trình tự, thủ tục đăng ký và chỉ định Tổ chức Chứng nhận

2. Tổ chức có đủ điều kiện theo quy định tại Điều 13 Quyết định 84/2008/QĐ-BNN gửi 01 bộ Hồ sơ đăng ký để được đánh giá, chỉ định là Tổ chức Chứng nhận về Cơ quan chỉ định. Hồ sơ bao gồm:

- a) Giấy đăng ký hoạt động chứng nhận VietGAP theo mẫu tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư này;
- b) Bản sao Quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đầu tư (bản sao có chứng thực hoặc bản sao chụp có mang theo bản chính để đối chiếu);
- c) Các tài liệu chứng minh hệ thống quản lý và năng lực hoạt động chứng nhận phù hợp với các điều kiện quy định tại Điều 13 Quyết định 84/2008/QĐ-BNN;

Mẫu Giấy chứng nhận VietGAP;

đ) Kết quả hoạt động chứng nhận đã thực hiện trong lĩnh vực đăng ký (nếu có)".

11. Điểm b khoản 1 Điều 19 được sửa đổi, bổ sung như sau:

"Điều 19. Trách nhiệm và quyền hạn của Tổ chức Chứng nhận

Trách nhiệm:

b) Trên cơ sở trình tự, thủ tục kiểm tra, chứng nhận VietGAP cho sản phẩm trồng trọt tại Quyết định 84/2008/QĐ-BNN, xây dựng chi tiết trình tự, thủ tục kiểm tra, chứng nhận VietGAP cho từng sản phẩm cụ thể và thông báo cho các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan;"

12. Khoản 1 Điều 22 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“ Điều 22. Trách nhiệm và quyền hạn của Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn

1. Trách nhiệm:

- a) Xây dựng và triển khai thực hiện quy hoạch và quản lý cơ sở, vùng sản xuất sản phẩm trồng trọt phù hợp VietGAP trong địa bàn quản lý;
- b) Hướng dẫn xây dựng tổ chức liên kết (tổ hợp tác, hợp tác xã,...) trong sản xuất sản phẩm trồng trọt phù hợp VietGAP;

c) Định kỳ hàng tháng báo cáo danh sách Tổ chức Chứng nhận, danh sách nhà sản xuất được cấp, cảnh cáo, đình chỉ, thu hồi Giấy chứng nhận VietGAP về Cục Trồng trọt;

d) Công bố trên phương tiện thông tin đại chúng danh sách Tổ chức Chứng nhận, danh sách nhà sản xuất được cấp, bị cảnh cáo, đình chỉ, thu hồi Giấy chứng nhận VietGAP trong phạm vi quản lý”.

13. Bãi bỏ phụ lục 7 về mẫu công bố sản phẩm sản xuất theo VietGAP và phụ lục 8 về mẫu thông báo tiếp nhận bản công bố sản phẩm sản xuất theo VietGAP.

Điều 2. Sửa đổi, bổ sung một số điều Quy định quản lý sản xuất, kinh doanh rau, quả, chè an toàn ban hành kèm theo Quyết định số 99/2008/QĐ-BNN ngày 15/10/2008 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (sau đây gọi là Quyết định số 99/2008/QĐ-BNN)

1. Điều 3 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 3. Điều kiện sản xuất, sơ chế rau, quả an toàn

Trong thời gian chờ ban hành Quy chuẩn kỹ thuật về điều kiện sản xuất, sơ chế rau, quả an toàn, để được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, sơ chế rau, quả an toàn, nhà sản xuất, nhà sơ chế phải đáp ứng các điều kiện cơ bản dưới đây:

1. Điều kiện sản xuất rau, quả an toàn

a) Nhân lực

- Có hoặc thuê cán bộ kỹ thuật chuyên ngành trồng trọt hoặc bảo vệ thực vật từ trung cấp trở lên để hướng dẫn, giám sát kỹ thuật sản xuất rau, quả an toàn (cán bộ của cơ sở sản xuất, cán bộ khuyến nông, bảo vệ thực vật hoặc hợp đồng lao động thường xuyên hoặc không thường xuyên);

- Người lao động phải qua tập huấn kỹ thuật, có chứng chỉ đào tạo của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoặc tổ chức có chức năng nhiệm vụ tập huấn về VietGAP và các quy định quản lý sản xuất, kinh doanh rau, quả, chè an toàn.

b) Đất trồng và giá thể

- Vùng đất trồng phải trong quy hoạch được Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố phê duyệt. Không bị ảnh hưởng trực tiếp các chất thải công nghiệp, chất thải sinh hoạt từ các khu dân cư, bệnh viện, các lò giết mổ gia súc tập trung, nghĩa trang, đường giao thông lớn;

- Hàm lượng một số kim loại nặng trong đất, giá thể trước khi sản xuất và trong quá trình sản xuất (kiểm tra khi thấy có nguy cơ gây ô nhiễm) không vượt quá ngưỡng cho phép nêu tại Phụ lục 1 của Quyết định số 99/2008/QĐ-BNN.

c) Nước tưới

- Không sử dụng nước thải công nghiệp, nước thải từ các bệnh viện, khu dân cư tập trung, trang trại chăn nuôi, lò giết mổ gia súc để tưới trực tiếp cho rau, quả và chè;

- Hàm lượng một số hoá chất và kim loại nặng trong nước tưới trước khi sản xuất và trong quá trình sản xuất (kiểm tra khi thấy có nguy cơ gây ô nhiễm) không vượt quá ngưỡng cho phép nêu tại Phụ lục 2 của Quyết định số 99/2008/QĐ-BNN;

- Nước sử dụng trong sản xuất rau mầm phải đạt tiêu chuẩn nước sinh hoạt cho người.

d) Quy trình sản xuất rau, quả an toàn

Nhà sản xuất xây dựng quy trình sản xuất phù hợp với cây trồng và điều kiện cụ thể của địa phương, nhưng phải phù hợp với các quy định về đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm có trong VietGAP.

đ) Nhà sản xuất phải cam kết đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm và có hồ sơ ghi chép toàn bộ quá trình sản xuất theo VietGAP.

2. Điều kiện sơ chế rau, quả an toàn

- a) Nhân lực phải đáp ứng các điều kiện nêu ở mục a khoản 1 Điều 3 Quyết định số 99/2008/QĐ-BNN và được kiểm tra sức khỏe định kỳ, đảm bảo không mắc các bệnh truyền nhiễm theo quy định hiện hành của Bộ Y tế;
- b) Có địa điểm, nhà xưởng, dụng cụ sơ chế, bao gói sản phẩm, phương tiện vận chuyển đảm bảo các điều kiện về vệ sinh an toàn thực phẩm theo VietGAP;
- c) Nước dùng rửa rau, quả phải đạt tiêu chuẩn theo Quyết định số 1329/2002/QĐ-BYT ngày 18 tháng 4 năm 2002 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành tiêu chuẩn vệ sinh nước ăn uống;
- d) Có hợp đồng mua rau, quả tươi của nhà sản xuất rau, quả an toàn (trong trường hợp mua nguyên liệu để sơ chế);
- đ) Nhà sơ chế phải cam kết đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm và có hồ sơ ghi chép toàn bộ quá trình sơ chế theo VietGAP;
- e) Quy trình sơ chế rau, quả an toàn

Nhà sơ chế xây dựng quy trình sơ chế phù hợp với các quy định về đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm có trong VietGAP”.

2. Điều 5 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“ Điều 5. Trình tự, thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, sơ chế rau, quả an toàn

1. Nhà sản xuất gửi 01 (một) bộ hồ sơ đăng ký đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, sơ chế rau, quả an toàn về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn nơi sản xuất, hồ sơ gồm:

- a) Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất và sơ chế rau, quả an toàn theo mẫu tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Thông tư này;
- b) Bản kê khai điều kiện sản xuất, sơ chế rau, quả an toàn theo mẫu tại Phụ lục 5 của Quyết định số 99/2008/QĐ-BNN.

2. Trình tự thực hiện

- a) Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thẩm định tính đầy đủ theo quy định của hồ sơ;
- b) Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thành lập đoàn thẩm định từ 3 - 5 người;
- c) Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày ban hành Quyết định thành lập đoàn thẩm định, đoàn thẩm định tiến hành kiểm tra thực địa; khi cần thiết thì lấy mẫu đất, nước để phân tích; lập biên bản thẩm định có xác nhận của đại diện đoàn thẩm định và nhà sản xuất;
- d) Trường hợp đủ điều kiện thì thời hạn ban hành quyết định cấp giấy chứng nhận là 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày có Biên bản thẩm định

Nếu chưa đảm bảo điều kiện thì đoàn thẩm định nêu rõ trong biên bản thẩm định những chỉ tiêu chưa đạt yêu cầu và thời hạn để nhà sản xuất khắc phục. Sau khi nhận được báo cáo khắc phục, đoàn thẩm định tiến hành kiểm tra lại và đề nghị cấp giấy chứng nhận khi đạt yêu cầu.

3. Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, sơ chế rau, quả an toàn có hiệu lực là 05 (năm) năm.

Trước khi Giấy chứng nhận hết hiệu lực 01 (một) tháng, nhà sản xuất phải gửi 01 (một) bộ hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, sơ chế rau, quả an toàn về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn gồm:

- + Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, sơ chế rau, quả an toàn theo mẫu tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Thông tư này;
- + Bản kê khai điều kiện sản xuất, sơ chế rau, quả an toàn (nếu có thay đổi so với đăng ký lần đầu);

- + Báo cáo kết quả sản xuất, sơ chế rau, quả an toàn trong thời gian được cấp giấy chứng nhận (đối với trường hợp Giấy chứng nhận hết hiệu lực);
- + Báo cáo khắc phục (đối với trường hợp bị thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, sơ chế rau, quả an toàn).
- Thời gian, trình tự, thời hạn cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, sơ chế rau, quả an toàn thực hiện như thủ tục cấp giấy chứng nhận lần đầu.
- Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, sơ chế rau, quả an toàn được cấp lại có hiệu lực là 05 (năm) năm.

4. Hồ sơ cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, sơ chế rau, quả an toàn được lưu tại Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và nhà sản xuất để phục vụ việc kiểm tra, thanh tra.

5. Trường hợp nhà sản xuất đã được tổ chức chứng nhận đánh giá và cấp Giấy chứng nhận VietGAP thì không phải gửi hồ sơ đăng ký chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, sơ chế rau, quả an toàn cho Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.”

3. Bổ sung mẫu Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, sơ chế rau, quả an toàn (Phụ lục 4 ban hành kèm theo Thông tư này).

Điều 3. Sửa đổi, bổ sung một số điều Quy định quản lý về sản xuất, kinh doanh giống cây công nghiệp và cây ăn quả lâu năm ban hành kèm theo Quyết định 64/2008/QĐ-BNN ngày 23/5/2008 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (sau đây gọi là Quyết định 64/2008/QĐ-BNN)

1. Điều 3 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 3. Đăng ký công nhận nguồn giống

1. Nộp hồ sơ

Tổ chức, cá nhân có nhu cầu đăng ký công nhận nguồn giống gửi 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua bưu điện về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn nơi có nguồn giống, hồ sơ gồm:

a) Đơn đề nghị công nhận nguồn giống cây công nghiệp, cây ăn quả lâu năm (Phụ lục 05 ban hành kèm theo Thông tư này);

b) Các tài liệu liên quan khác: sơ đồ vườn cây, báo cáo tóm tắt lịch sử nguồn giống; năng suất, chất lượng, khả năng chống chịu sâu bệnh, điều kiện ngoại cảnh bất thuận của nguồn giống; kết quả nghiên cứu hoặc hội thi trước đó.

2. Tiếp nhận và xử lý hồ sơ

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tiếp nhận, xem xét hồ sơ đăng ký công nhận nguồn giống theo trình tự sau:

a) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, bộ phận tiếp nhận phải kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ theo quy định, trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ thì phải thông báo và hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn chỉnh hồ sơ.

b) Trong thời hạn 45 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xử lý hồ sơ và trả kết quả.”

2. Khoản 3,4 Điều 4 được sửa đổi, bổ sung như sau:

”3. Cấp Giấy chứng nhận nguồn giống

a) Căn cứ biên bản đánh giá của Hội đồng bình tuyển cây đầu dòng, Tổ thẩm định vườn cây đầu dòng, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xem xét và quyết định cấp Giấy chứng nhận nguồn giống (Phụ lục 02a, 02b ban hành kèm theo Quyết định 64/2008/QĐ-BNN);

b) Thời hạn của Giấy chứng nhận nguồn giống là 05 (năm) năm với vườn đầu dòng và cây có múi S0 kể từ ngày được công nhận”.

4. Cấp lại giấy chứng nhận nguồn giống

a) Trước khi hết hạn 03 (ba) tháng, nếu chủ nguồn giống có nhu cầu đăng ký công nhận lại nguồn giống, phải gửi 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua bưu điện về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để xem xét, giải quyết (bao gồm cả các nguồn giống được cơ quan có thẩm quyền công nhận trước khi có quy định này).

b) Hồ sơ đăng ký công nhận lại nguồn giống gồm: đơn đề nghị công nhận lại nguồn giống; bản sao quyết định lần công nhận gần nhất; sơ đồ nguồn giống, báo cáo tóm tắt về sinh trưởng, năng suất, chất lượng, số lượng khai thác vật liệu nhân giống trong thời gian lần công nhận nguồn giống gần nhất.

c) Trình tự, thời hạn giải quyết thủ tục

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, bộ phận tiếp nhận phải kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ theo quy định, trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ thì phải thông báo và hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn chỉnh hồ sơ.

- Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn căn cứ thực tế quá trình chăm sóc, sử dụng, sinh trưởng của nguồn giống, nếu đủ điều kiện thì công nhận lại nguồn giống.

d) Thời hạn có hiệu lực của nguồn giống sau khi công nhận lại là 05 năm.”

Điều 4. Bổ sung mẫu đơn Đăng ký bảo mật dữ liệu thử nghiệm vào Quyết định số 69 /2006/ QĐ-BNN ngày 13 tháng 6 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn (Phụ lục số 06 ban hành kèm theo Thông tư này)

Điều 5. Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều của Thông tư số 32/2010/TT-BNNPTNT ngày 17 tháng 6 năm 2010 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về chỉ định và quản lý hoạt động người lấy mẫu, người kiểm định, phòng kiểm nghiệm, tổ chức chứng nhận chất lượng giống, sản phẩm cây trồng và phân bón như sau:

1. Sửa lại tên Thông tư : "Quy định về người lấy mẫu, người kiểm định, tổ chức chứng nhận chất lượng giống, sản phẩm cây trồng và phân bón ".

2. Điều 1 được sửa đổi, bổ sung như sau:

" Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Thông tư này quy định về đào tạo, cấp chứng chỉ đào tạo người lấy mẫu, người kiểm định; điều kiện, trình tự, thủ tục chỉ định và quản lý hoạt động của tổ chức chứng nhận chất lượng giống cây trồng, sản phẩm cây trồng, phân bón thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

2. Thông tư này áp dụng với các tổ chức, cá nhân có hoạt động liên quan đến đào tạo, cấp chứng chỉ đào tạo người lấy mẫu, người kiểm định; chỉ định và quản lý hoạt động của tổ chức chứng nhận chất lượng giống, sản phẩm cây trồng và phân bón theo các lĩnh vực được quy định tại Phụ lục 07 của Thông tư này".

3. Khoản 8 Điều 2 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“ Điều 2. Giải thích từ ngữ

8. Giám sát là việc cơ quan chỉ định tiến hành đánh giá năng lực, hệ thống quản lý và kết quả chứng nhận của tổ chức chứng nhận sau khi được chỉ định.”

4. Điều 3 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“ Điều 3. Điều kiện người lấy mẫu, người kiểm định được hành nghề

1. Là người thuộc cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp, hợp tác xã hoạt động trong lĩnh vực đề nghị đào tạo;

2. Có giấy chứng nhận (chứng chỉ) đã được đào tạo về kiểm định giống cây trồng, lấy mẫu giống cây trồng, sản phẩm cây trồng, phân bón.”

5. Khoản 4 Điều 5 được sửa đổi, bổ sung như sau:

"Điều 5. Điều kiện tổ chức chứng nhận được chỉ định

4. Có hoặc thuê người lấy mẫu, người kiểm định có chứng chỉ đào tạo, phòng thử nghiệm được công nhận hoặc được chỉ định”

6. Khoản 2,7 Điều 8 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 8. Hồ sơ đăng ký chỉ định tổ chức chứng nhận

2. Bản sao Quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đầu tư;

7. Bản sao Chứng chỉ công nhận tổ chức chứng nhận do Tổ chức công nhận cấp và các tài liệu liên quan về phạm vi được công nhận (nếu có).”

7. Điều 9 được sửa đổi, bổ sung như sau:

" Điều 9. Tiếp nhận và thẩm định hồ sơ chỉ định tổ chức chứng nhận

1. Tổ chức chứng nhận đăng ký hoạt động trên phạm vi cả nước gửi 01(một) bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua bưu điện về Cục Trồng trọt, Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn.

2. Tổ chức chứng nhận sản phẩm cây trồng đăng ký hoạt động trên phạm vi 01 tỉnh, thành phố gửi 01(một) bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua bưu điện về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn nơi tổ chức chứng nhận đóng trụ sở.

3. Cục Trồng trọt, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tiếp nhận, thẩm định hồ sơ; trường hợp hồ sơ có sai sót thì trong vòng 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, phải thông báo cho tổ chức, cá nhân gửi hồ sơ các nội dung cần sửa chữa, bổ sung.”

8. Điều 10 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 10. Đào tạo, cấp chứng chỉ đào tạo cho người lấy mẫu, người kiểm định

1. Cá nhân được cấp chứng chỉ người lấy mẫu giống cây trồng, sản phẩm cây trồng, phân bón hoặc kiểm định giống cây trồng phải tham dự lớp tập huấn về lấy mẫu giống cây trồng, sản phẩm cây trồng, phân bón hoặc về kiểm định giống cây trồng do các đơn vị có chức năng đào tạo tổ chức và có kết quả kiểm tra đạt điểm trung bình trở lên sau khóa tập huấn.

2. Chương trình đào tạo theo hướng dẫn của Cục Trồng trọt; nội dung mẫu giấy chứng chỉ đào tạo theo quy định tại Phụ lục 08 của Thông tư này.

3. Cục Trồng trọt giao các đơn vị có chức năng, nhiệm vụ tổ chức đào tạo hoặc phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức đào tạo người lấy mẫu, người kiểm định.

4. Trình tự đào tạo, cấp chứng chỉ:

a) Người có yêu cầu được cấp chứng chỉ gửi Đơn đăng ký đào tạo theo mẫu tại Phụ lục 09 của Thông tư này và 01 ảnh 3 x 4 cm cho đơn vị đào tạo có chức năng;

b) Trước khi tổ chức đào tạo đơn vị đào tạo gửi cho Cục Trồng trọt và thông báo cho học viên kế hoạch khóa đào tạo (thời gian, địa điểm, chương trình, giảng viên đào tạo) bằng văn bản hoặc qua thư điện tử;

c) Sau 01 ngày kể từ khi kết thúc lớp tập huấn, đơn vị đào tạo gửi danh sách học viên đạt điểm trung bình trở lên qua thư điện tử về Cục Trồng trọt. Sau 01 ngày kể từ khi nhận được kết quả đào tạo, Cục Trồng trọt cấp mã số và thông báo cho đơn vị đào tạo qua thư điện tử. Trong thời hạn 05

ngày kể từ ngày nhận được thông báo mã số, đơn vị đào tạo cấp chứng chỉ đào tạo cho người đạt điểm trung bình trở và gửi đơn đăng ký đào tạo về Cục Trồng trọt để quản lý, lưu giữ.

d) Người có chứng chỉ đào tạo được phép hành nghề trong phạm vi được ghi trên chứng chỉ ngay sau khi nhận được chứng chỉ đào tạo. Nếu muốn mở rộng phạm vi hành nghề phải đăng ký tham gia đào tạo và có chứng chỉ đào tạo đối với lĩnh vực đó.”

9. Điều 12 được sửa đổi, bổ sung như sau:

"Điều 12. Chỉ định tổ chức chứng nhận

1. Chỉ định tổ chức chứng nhận

a) Trong vòng 05 (năm) ngày làm việc kể từ khi nhận được Biên bản đề nghị chỉ định của Đoàn đánh giá, Cục trưởng Cục Trồng trọt, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ra quyết định chỉ định Tổ chức chứng nhận. Quyết định chỉ định phải nêu chi tiết phạm vi chỉ định và có hiệu lực không quá 05 (năm) năm.

b) Thời gian từ khi quyết định thành lập Đoàn đánh giá đến khi ra quyết định chỉ định không quá 30 (ba mươi) ngày làm việc, trừ trường hợp tổ chức chứng nhận có những điểm không phù hợp phải tiến hành khắc phục.

2. Trong trường hợp từ chối việc chỉ định, Cục Trồng trọt thông báo lý do từ chối bằng văn bản cho tổ chức chứng nhận có hồ sơ đăng ký và Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thông báo cho tổ chức chứng nhận đăng ký chỉ định trên địa bàn tỉnh.

3. Tổ chức chứng nhận đã được chỉ định, nếu muốn mở rộng hoạt động sang tỉnh khác phải được Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn nơi định mở rộng hoạt động thừa nhận kết quả chỉ định Tổ chức chứng nhận của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn nơi đặt trụ sở".

10. Điều 13 được sửa đổi, bổ sung như sau:

"Điều 13. Chỉ định lại, mở rộng phạm vi chỉ định tổ chức chứng nhận

1. Chỉ định lại tổ chức chứng nhận

a) Tổ chức chứng nhận muốn chỉ định lại phải gửi 01 (một) bộ Hồ sơ đăng ký chỉ định lại về Cục Trồng trọt, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trước khi quyết định chỉ định hết hiệu lực ba tháng.

Hồ sơ chỉ định lại gồm:

- Đơn đăng ký chỉ định lại theo mẫu tại Phụ lục 2d của Thông tư này;

- Báo cáo kết quả thực hiện chứng nhận trong 05 năm được chỉ định;

- Sở tay chất lượng có bổ sung, thay đổi về tổ chức, nhân sự, thiết bị, thủ tục, hướng dẫn, biểu mẫu (nếu có).

b) Căn cứ hồ sơ và kết quả giám sát hàng năm, Cục Trồng trọt, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đánh giá, chỉ định lại Tổ chức chứng nhận theo quy định tại khoản 2 Điều 11, khoản 2 Điều 12 của Thông tư này.

2. Mở rộng phạm vi chỉ định tổ chức chứng nhận

a) Tổ chức chứng nhận được chỉ định muốn mở rộng phạm vi chỉ định phải gửi 01 bộ Hồ sơ đăng ký theo quy định tại Điều 8 của Thông tư này về Cục Trồng trọt, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

b) Căn cứ hồ sơ mở rộng phạm vi chỉ định và kết quả giám sát hàng năm, Cục Trồng trọt, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đánh giá, mở rộng phạm vi chỉ định theo quy định tại khoản 2 Điều 11, khoản 2 Điều 12 của Thông tư này

3. Thời hạn giải quyết việc chỉ định lại, mở rộng phạm vi chỉ định tổ chức chứng nhận theo quy định của khoản 1, khoản 2 Điều này là 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định".

11. Điều 14 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 14. Mã số người lấy mẫu, người kiểm định, tổ chức chứng nhận

1. Mỗi người lấy mẫu, người kiểm định có chứng chỉ đào tạo, tổ chức chứng nhận được chỉ định có một mã số riêng để quản lý và được ghi trên chứng chỉ đào tạo hoặc quyết định chỉ định.

2. Cách đặt mã số người lấy mẫu, người kiểm định, tổ chức chứng nhận theo hướng dẫn tại Phụ lục 10 của Thông tư này.”

12. Điểm a khoản 1 Điều 15 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 15. Chế độ báo cáo

1. Những thay đổi phải báo cáo

a) Tổ chức chứng nhận được chỉ định phải báo cáo Cục Trồng trọt (Tổ chức chứng nhận hoạt động tại 01 tỉnh, thành phố thì báo cáo về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sở tại) những thay đổi liên quan đến phạm vi được chỉ định, chậm nhất là 30 (ba mươi) ngày làm việc kể từ ngày có thay đổi.”

13. Điều 18 được sửa đổi, bổ sung như sau:

"Điều 18. Miễn giám sát đối với tổ chức chứng nhận được chỉ định có chứng chỉ công nhận

1. Đối tượng được miễn giám sát: Tổ chức chứng nhận được chỉ định có chứng chỉ công nhận, kết quả giám sát sau công nhận của tổ chức công nhận kết luận tổ chức chứng nhận tiếp tục đáp ứng TCVN 7457:2004 hoặc ISO/IEC Guide 65:1996.

2. Tổ chức chứng nhận được chỉ định muốn được miễn giám sát phải gửi 01 (một) bộ hồ sơ về Cục Trồng trọt hoặc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Hồ sơ gồm:

- Đơn đề nghị miễn giám sát;
- Bản sao có chứng thực Chứng chỉ công nhận;
- Bản sao có chứng thực Biên bản giám sát của tổ chức công nhận;
- Báo cáo kết quả hoạt động và tài liệu khác có liên quan (nếu có).

3. Trong vòng 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị, Cục Trồng trọt, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thẩm định hồ sơ, quyết định miễn giám sát.

4. Thời hạn có hiệu lực của Quyết định miễn giám sát hoạt động đối với Tổ chức chứng nhận là 01 năm."

14. Điều 20 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“ Điều 20. Cảnh báo, đình chỉ, phục hồi, huỷ bỏ hiệu lực của quyết định chỉ định tổ chức chứng nhận

Cục Trồng trọt căn cứ kết quả giám sát, kiểm tra, thanh tra để xem xét quyết định cảnh báo, đình chỉ, phục hồi, huỷ bỏ hiệu lực của quyết định chỉ định.

1. Cảnh báo khi tổ chức chứng nhận được chỉ định có sai lỗi nhưng chưa ảnh hưởng đến kết quả chứng nhận chất lượng.

2. Đình chỉ một phần hoặc toàn bộ hiệu lực của quyết định chỉ định trong trường hợp có sai lỗi về kỹ thuật nhưng có thể khắc phục được và chưa gây hậu quả nghiêm trọng:

- a) Các hành động khắc phục trong báo cáo giám sát không được thực hiện đầy đủ;
- b) Không thực hiện chế độ báo cáo theo quy định tại Điều 15 của Thông tư này.

3. Phục hồi hiệu lực của quyết định chỉ định khi các sai lỗi đã được khắc phục.

4. Huỷ bỏ hiệu lực của quyết định chỉ định trong trường hợp sau:

a) Tổ chức chứng nhận không đáp ứng điều kiện theo quy định tại Điều 5 của Thông tư này hoặc kết quả giám sát cho thấy tổ chức chứng nhận không trung thực, khách quan trong hoạt động đánh giá, chứng nhận.

b) Trong thời hạn 01 (một) năm kể từ ngày có quyết định huỷ bỏ hiệu lực của quyết định chỉ định, tổ chức chứng nhận không được hoạt động chứng nhận. Sau đó muốn hoạt động thì phải đăng ký chỉ định lại theo quy định tại khoản 3 Điều 13 của Thông tư này”.

15. Điều 21 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“ Điều 21. Chi phí

1. Chi phí đào tạo, cấp chứng chỉ đào tạo do người lấy mẫu, người kiểm định chi trả theo quy định của Bộ Tài chính hoặc theo thoả thuận với đơn vị đào tạo nếu chưa có quy định của Nhà nước.

2. Chi phí nộp hồ sơ, đánh giá, chỉ định, giám sát tổ chức chứng nhận do tổ chức chứng nhận chi trả theo quy của Bộ Tài chính.

3. Chi phí lấy mẫu, kiểm nghiệm mẫu liên quan đến việc giải quyết ý kiến khách hàng hoặc khiếu nại, tố cáo do bên có sai phạm chi trả.”

16. Điều 22 được sửa đổi, bổ sung như sau:

” Điều 22. Trách nhiệm và quyền hạn của người lấy mẫu, người kiểm định, tổ chức chứng nhận được chỉ định

1. Người lấy mẫu, người kiểm định

a) Có quyền tiến hành lấy mẫu, kiểm định trên cơ sở hợp đồng ký kết với tổ chức, cá nhân đề nghị lấy mẫu hoặc kiểm định giống cây trồng.

b) Có trách nhiệm thực hiện lấy mẫu, kiểm định theo đúng phương pháp; bảo đảm khách quan và công bằng; bảo mật các thông tin, số liệu, kết quả lấy mẫu, kiểm định, trừ trường hợp được cơ quan nhà nước có thẩm quyền yêu cầu báo cáo; tham gia đào tạo, đào tạo lại; trả chi phí chỉ định theo quy định.

2. Tổ chức chứng nhận giống, sản phẩm cây trồng, phân bón được chỉ định có quyền hạn và trách nhiệm theo quy định tại Điều 19, Điều 20 Luật Chất lượng sản phẩm hàng hoá và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật.”

17. Điều 23 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 23. Trách nhiệm và quyền hạn của Cục Trồng trọt

1. Ban hành chương trình đào tạo, chỉ định đơn vị đào tạo, cấp mã số, lưu giữ hồ sơ người lấy mẫu, người kiểm định giống, sản phẩm cây trồng và phân bón;

2. Tiếp nhận hồ sơ đăng ký, tổ chức đánh giá, chỉ định, kiểm tra, thanh tra, giám sát tổ chức chứng nhận trên phạm vi toàn quốc;

3. Bảo đảm tính khách quan và công bằng trong hoạt động đánh giá, chỉ định, kiểm tra, thanh tra, giám sát và giải quyết khiếu nại, tố cáo;

4. Bảo mật các thông tin, số liệu trong quá trình thực hiện đánh giá, chỉ định, giám sát;

5. Công bố trên phương tiện thông tin đại chúng danh sách người lấy mẫu, người kiểm định được hành nghề; tổ chức chứng nhận được chỉ định, bị đình chỉ, thu hồi quyết định chỉ định trên phạm vi cả nước;

6. Tổ chức thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại tố cáo liên quan đến người lấy mẫu, người kiểm định, tổ chức chứng nhận theo quy định của pháp luật;

7. Lưu hồ sơ người lấy mẫu, người kiểm định, tổ chức chứng nhận.

8. Cấp, cảnh báo, đình chỉ, phục hồi, huỷ bỏ Quyết định chỉ định tổ chức chứng nhận.”

18. Khoản 2 Điều 24 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 24. Trách nhiệm và quyền hạn của Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn

2. Phối hợp với Cục Trồng trọt thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại tố cáo liên quan đến người lấy mẫu, người kiểm định, tổ chức chứng nhận hoạt động trên địa bàn.”

19. Bãi bỏ khoản 1, 4, 6, 7 Điều 2; Điều 4; Điều 6; Điều 7; khoản 1 Điều 11; điểm a khoản 2 Điều 15; Điều 16; Điều 19; Phụ lục 2a, 2b, 2c, 3, 4, 5, 8a, 11, 16, khoản 1 Phụ lục 19.

Điều 6. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 45 ngày kể từ ngày ký.

2. Cục trưởng Cục Trồng trọt, Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Pháp chế, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

BỘ TRƯỞNG

Nơi nhận:

- Như điều 6;
- Công báo và Website CP;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra VBQPPL);
- UBND tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Sở Nông nghiệp và PTNT;
- Các đơn vị trực thuộc Bộ;
- Lưu: VT, PC, TT.

Cao Đức Phát

PHỤ LỤC SỐ 1

MẪU GIẤY ĐĂNG KÝ CHỨNG NHẬN VIETGAP

(Ban hành kèm theo Thông tư số 17./2011/TT-BNNPTNT ngày 06 tháng 4 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

GIẤY ĐĂNG KÝ CHỨNG NHẬN VIETGAP

Kính gửi: Tổ chức Chứng nhận

- Tên nhà sản xuất:.....

- Địa chỉ:.....

- Số điện thoại:..... Fax: (nếu có).....

Sau khi nghiên cứu Quy chế chứng nhận Quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (VietGAP) cho sản phẩm trồng trọt ban hành kèm theo Quyết định số 84/2008/QĐ-BNN ngày 28 tháng 7 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, chúng tôi xin đăng ký kiểm tra chứng nhận quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt cho mô hình:

√ Trang trại

√ Hợp tác xã (tổ hợp tác,...)

- Diện tích sản xuất:m² hoặc ha

- Địa điểm: thôn..... xã, (phường).....
huyện(quận)..... tỉnh/thành phố.....

- Tên sản phẩm đăng ký chứng nhận VietGAP

- Sản lượng dự kiến: kg hoặc tấn/đơn vị thời gian

- Phạm vi sản xuất:

Đề nghị *Tổ chức Chứng nhận* kiểm tra và cấp Giấy chứng nhận VietGAP.

Tài liệu kèm theo:

- Bản đồ giải thửa và phân lô khu vực sản xuất, bản thuyết minh về thiết kế, bố trí mặt bằng khu vực sản xuất, xử lý sau thu hoạch, sơ chế, bảo quản (nếu có);

- Kết quả kiểm tra nội bộ;

- Danh sách thành viên hợp tác xã (họ tên, địa chỉ, địa điểm, diện tích sản xuất, mã số địa điểm sản xuất (nếu có)).

....., ngày... tháng... năm.....

Đại diện nhà sản xuất

(Ký tên và đóng dấu nếu có)

PHỤ LỤC SỐ 2

MẪU GIẤY ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG CHỨNG NHẬN VIETGAP

(Ban hành kèm theo Thông tư số 17/2011/TT-BNNPTNT ngày 06 tháng 4 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ... tháng ... năm 201.....

GIẤY ĐĂNG KÝ

HOẠT ĐỘNG CHỨNG NHẬN VIETGAP

Kính gửi: Cơ quan chỉ định Tổ chức Chứng nhận

- Tên tổ chức:.....

- Địa chỉ liên lạc:

- Điện thoại:..... Fax: E-mail:

- Quyết định thành lập/ (nếu có) hoặc Giấy đăng ký kinh doanh số do Cơ quan cấp: cấp ngày tại

Sau khi nghiên cứu các điều kiện hoạt động chứng nhận VietGAP theo Quyết định số 84/2008/QĐ-BNN ngày 28 tháng 7 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Quy chế chứng nhận Quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (VietGAP) cho sản phẩm trồng trọt, chúng tôi nhận thấy có đủ các điều kiện để hoạt động chứng nhận VietGAP cho.....

Hồ sơ kèm theo:

-

-

Đề nghị Cơ quan chỉ định xem xét đề chỉ định (tên tổ chức) được hoạt động chứng nhận VietGAP cho.....

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đúng các quy định về hoạt động chứng nhận VietGAP./.

Đại diện Tổ chức ...

(Ký tên, đóng dấu)

PHỤ LỤC SỐ 3

MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN SẢN XUẤT, SƠ CHẾ RAU, QUẢ AN TOÀN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 17 /2011/TT-BNNPTNT ngày 06 tháng 4 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày.....tháng.....năm

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐỦ ĐIỀU KIỆN SẢN XUẤT/ SƠ CHẾ RAU, QUẢ AN TOÀN**

Kính gửi: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh/TP.....

1. Tên nhà sản xuất/ sơ chế:.....

2. Địa chỉ :.....

ĐTFaxEmail...

3. Quyết định thành lập hoặc giấy phép kinh doanh (nếu có):

4. Hình thức đề nghị cấp

Cấp mới

Cấp lại

5. Đề nghị được cấp giấy chứng nhận

Sau khi nghiên cứu Quy định về quản lý sản xuất, kinh doanh rau, quả, chè an toàn, đặc biệt về điều kiện sản xuất/ sơ chế rau, quả, chè an toàn, liên hệ với điều kiện cụ thể, chúng tôi đề nghị được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất/ sơ chế rau, quả an toàn:

- Diện tích sản xuất rau, quả an toàn đăng ký:ha/ công suất sơ chế rau, quả an toàn đăng ký: ...kg/đơn vị thời gian);

- Chung loại rau, quả an toàn đăng ký:.....

- Địa điểm: thôn...xã, (phường).....huyện (quận).....

- Bản kê điều kiện sản xuất, sơ chế rau, quả an toàn (kèm theo);

6. Chúng tôi cam kết thực hiện đúng Quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (VietGAP) cho rau, quả an toàn.

Đề nghị Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh/TP.....thẩm định và cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, sơ chế rau, quả an toàn./.

Đại diện của nhà sản xuất/ sơ chế

(Ký tên, đóng dấu)

PHỤ LỤC SỐ 4

MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN SẢN XUẤT, SƠ CHẾ RAU, QUẢ AN TOÀN
(Ban hành kèm theo Thông tư số 17 /2011/TT-BNNPTNT ngày 06 tháng 4 năm 2011 của Bộ trưởng
Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

UBND TỈNH, THÀNH PHỐ
SỞ NÔNG NGHIỆP & PTNT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

.....

GIẤY CHỨNG NHẬN

Cơ sở đủ điều kiện sản xuất/ sơ chế rau, quả an toàn Sở Nông nghiệp & PTNT tỉnh, thành phố

.....

Chứng nhận

Cơ sở:

Địa chỉ:

Có diện tích sản xuất :ha/ công suất sơ chế :kg/ngày đối với các chủng loại rau, quả:
.....đáp ứng đủ điều kiện sản xuất/sơ chế rau, quả an toàn theo Quy định của Quyết định
99/2008/QĐ-BNN ngày 15/10/2008 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

Cơ sở:

phải tự chịu trách nhiệm về chất lượng sản phẩm rau, quả an toàn do cơ sở sản xuất, sơ chế.

Giấy chứng nhận này có giá trị , ngày tháng năm 20

Từ ngày tháng năm đến
ngày tháng năm **Giám đốc Sở NN&PTNT**

Số:GCN/SNN-

Cấp lần thứ 1

PHỤ LỤC SỐ 5

MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN NGUỒN GIỐNG CÂY CÔNG NGHIỆP, CÂY ĂN QUẢ
LÂU NĂM
(Ban hành kèm theo Thông tư số 17 /2011/TT-BNNPTNT ngày 06 tháng 4 năm 2011 của Bộ trưởng
Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN NGUỒN GIỐNG CÂY CÔNG NGHIỆP, CÂY ĂN QUẢ LÂU
NĂM

Kính gửi: Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh/TP.....

1. Tên tổ chức, cá nhân:.....

2. Địa chỉ:.....Điện thoại/Fax/E-mail.....

3. Tên giống:.....

4. Vị trí hành chính và địa lý của nguồn giống

Thôn..... xã..... huyện..... tỉnh/TP:.....

5. Các thông tin chi tiết về nguồn giống đăng ký công nhận:

- Năm trồng:.....

- Nguồn vật liệu giống trồng ban đầu (*cây ghép, cây giâm hom, cây chiết cành và vật liệu nhân giống khác*):

- Tình hình sinh trưởng (*chiều cao, đường kính tán cây, tình hình sâu bệnh hại và một số chỉ tiêu liên quan đến sinh trưởng*):

- Năng suất, chất lượng của giống (*nêu những chỉ tiêu chủ yếu*):

Đối với nguồn giống là vườn cây đầu dòng, cần có thêm những thông tin sau:

- Mã hiệu nguồn giống (cây đầu dòng):

- Diện tích vườn (m²):

- Khoảng cách trồng (m x m):

6. Các tài liệu liên quan khác kèm theo:

- Sơ đồ vườn cây;

- Tóm tắt quá trình phát hiện hoặc lịch sử trồng trọt;

- Kết quả nghiên cứu, đánh giá hoặc hội thi đã có;

- Tình hình sinh trưởng, phát triển của nguồn giống.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện nộp phí bình tuyển, thẩm định theo đúng quy định./.

Ngày ... tháng ... năm 20.....

Đại diện đơn vị*

(ký tên, đóng dấu)

(*Cá nhân phải có bản photocopy Giấy chứng minh nhân dân gửi kèm theo đơn)

ANNEX 05

APPLICATION FOR RECOGNITION VARIETIES OF INDUSTRIAL AND FRUIT CROPS
(Issued with the Decision No 17 /2011/ TT-BNNPTNT dated on April 06th 2011 of Minister of
Ministry of Agriculture and Rural Development)

THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independent – Freedom – Happiness

APPLICATION FOR RECOGNITION VARIETIES OF INDUSTRIAL AND FRUIT CROPS

To: Department of Agriculture and Rural Development Provincial / City

1. Name of organizations, individuals).....

2. Address: Telephone / Fax / E-mail.....

Number of identify card (individuals):.....

3. Names of varieties:.....

4. Administrative positions and geographic on varieties of Industrial and fruit crops:

.....
Hamlet.....commune.....District.....Province / City.....

5. More detail information on for on varieties of Industrial and fruit crops accreditation:

Years:.....

- Source of original material cultivars (grafted trees, tree cuttings, tree branches and extract other propagating materia):

- The situation of growth (height, canopy diameter, pest status and some indicators related to growth):

- Productivity, quality of varieties (the main criteri):

For the same source as the nurseries, additional information follow):

- Codes of varieties (initial plants):

- Garden area (m²):

- Distance in (m x m):

6. Other related documents attached

- Map orchard;

- Summary of findings or history of cultivation;

- Research results, evaluation or had contests;

- The situation of growth and development of varieties sources;

We would commit to pay fees for selection and evaluation as prescribed

(days ... months ... years.....)

Representative units *

(Signature and stamp)

(Individuals must have a photocopy of identify card attached with)

PHỤ LỤC SỐ 06

MẪU ĐƠN ĐĂNG KÝ BẢO MẬT DỮ LIỆU THỬ NGHIỆM

(Ban hành kèm theo Thông tư số 17 /2011/TT-BNNPTNT ngày 06 tháng 4 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm 20

ĐƠN ĐĂNG KÝ BẢO MẬT DỮ LIỆU THỬ NGHIỆM

Kính gửi: (Cơ quan bảo mật)

1. Tên tổ chức, cá nhân có liên quan đến bảo mật dữ liệu thử nghiệm.

Địa chỉ:

Điện thoại:

Fax:

2. Sau khi nghiên cứu các quy định tại Quyết định số 69/2006/QĐ-BNN ngày 13 tháng 6 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn về việc ban hành quy định bảo mật dữ liệu thử nghiệm nông hoá phẩm, chúng tôi nhận thấy cần bảo mật các dữ liệu thử nghiệm nông hoá phẩm sau:

(Thành phần hoá chất có tính mới trong sản phẩm).

3. Lý do bảo mật.

Đề nghị (Cơ quan bảo mật) xem xét và cấp giấy xác nhận bảo mật.

**Đại diện tổ chức, cá nhân có liên quan đến
bảo mật dữ liệu thử nghiệm**

(Ký và ghi rõ họ, tên)

ANNEX 06

APPLICATION FORM FOR KEEPING THE CONFIDENTIALITY OF ANALYZING RESULTS
*(Issued with the Decision No 17 /2011/ TT-BNNPTNT dated on April 06.th 2011 of Minister of
Ministry of Agriculture and Rural Development)*

THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independent – Freedom – Happiness

....., Day.....Month year....

APPLICATION FORM FOR KEEPING THE CONFIDENTIALITY OF ANALYSING RESULTS

To: (organization keeping the confidentiality of analysing results)

1. Name of person/organization related to keeping the confidentiality of analysing results.

Address:

Telephone number:

Fax number:

2. After studying the regulations regulated in Decision No 69 /2006/QĐ-BNN dated on June 13th 2006 of Minister of Ministry of Agriculture and Rural Development about keeping the confidentiality of analysing results, we find out that our following analysing results need to be kept confidentially:

(Name of new chemical contents in products).

3. The reason of keeping the confidential of analysing results.

To propose (the confidential keeping person/organization) to assess and provide the confidential paper of the analysing results.

**Person/organization related to keep the
confidential analyzing results**

(Signature)

PHỤ LỤC 07

PHẠM VI ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG CỦA NGƯỜI LẤY MẪU, NGƯỜI KIỂM ĐỊNH, TỔ CHỨC CHỨNG NHẬN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 17 /2011//TT-BNNPTNT ngày 06 tháng 4 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

PHẠM VI ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG CỦA NGƯỜI LẤY MẪU, NGƯỜI KIỂM ĐỊNH, TỔ CHỨC CHỨNG NHẬN

Đối tượng	Lĩnh vực
Người lấy mẫu	Hạt giống
	Củ giống
	Cây giống, hom giống (chiết, ghép...)
	Phân bón các loại
	Sản phẩm cây trồng: Loài cây trồng (rau, quả, chè, cà phê,...)
	Người kiểm định giống cây trồng
	Vườn giống, cây giống
Tổ chức chứng nhận giống cây trồng	Các loại hạt giống, củ giống phải chứng nhận phù hợp quy chuẩn kỹ thuật
Tổ chức chứng nhận phân bón	Các loại phân bón cần phải chứng nhận phù hợp quy chuẩn kỹ thuật
Tổ chức chứng nhận sản phẩm cây trồng	Các loại sản phẩm cần phải chứng nhận phù hợp quy chuẩn kỹ thuật

PHỤ LỤC 08

MẪU GIẤY CHỨNG CHỈ ĐÀO TẠO NGƯỜI LẤY MẪU/NGƯỜI KIỂM ĐỊNH

(Ban hành kèm theo Thông tư số 17 /2011//TT-BNNPTNT ngày 06 tháng 4 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

Đơn vị chủ quản:

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM**

Đơn vị đào tạo:

Độc lập - Tự do- Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG CHỈ ĐÀO TẠO NGƯỜI LẤY MẪU/NGƯỜI KIỂM ĐỊNH

Họ và tên:

Năm sinh:

Đơn vị công tác:

Mã số:

Lĩnh vực hành nghề (hoặc lĩnh vực đào tạo):

... , ngày ... tháng ... năm 20..

Thủ trưởng đơn vị đào tạo

(Ký tên, đóng dấu)

PHỤ LỤC 09

MẪU ĐƠN ĐĂNG KÝ ĐÀO TẠO NGƯỜI LẤY MẪU/NGƯỜI KIỂM ĐỊNH
(Ban hành kèm theo Thông tư số 17 /2011//TT-BNNPTNT ngày 06 tháng 4 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

.....,ngày.....thángnăm

ĐƠN ĐĂNG KÝ ĐÀO TẠO NGƯỜI LẤY MẪU/NGƯỜI KIỂM ĐỊNH

Kính gửi : Cục Trồng trọt, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn

1. Họ và tên:

Năm sinh:

Đơn vị công tác:

Địa chỉ:

Điện thoại :

Fax:

E-mail:

2. Hình thức đề nghị đào tạo:

Đào tạo mới Mở rộng phạm vi đào tạo Đào tạo lại

3. Phạm vi đề nghị đào tạo:

3.1. Về lấy mẫu

- Giống cây trồng: Hạt giống Củ giống Cây giống, hom giống

- Phân bón các loại:

- Sản phẩm cây trồng:

3.1. Về kiểm định giống cây trồng:

Ruộng giống Vườn giống Cây giống

Tên loài cây trồng: (lúa, ngô, xoài, cam ...)

4. Tôi cam kết thực hiện đúng quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về lấy mẫu/ kiểm định giống, sản phẩm cây trồng và phân bón.

Thủ trưởng cơ quan

(Ký tên và đóng dấu)

Người làm đơn

(Ký tên)

PHỤ LỤC 10

QUY ĐỊNH VỀ CÁCH ĐẶT MÃ SỐ NGƯỜI LẤY MẪU, NGƯỜI KIỂM ĐỊNH, TỔ CHỨC CHỨNG NHẬN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 17 /2011//TT-BNNPTNT ngày 06 tháng 4 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

QUY ĐỊNH VỀ CÁCH ĐẶT MÃ SỐ NGƯỜI LẤY MẪU, NGƯỜI KIỂM ĐỊNH, TỔ CHỨC CHỨNG NHẬN

1. Mã số của người lấy mẫu gồm 3 phần:

a) Chữ viết tắt Người lấy mẫu giống cây trồng, phân bón, sản phẩm cây trồng:

NLM-GCT, NLM-PB, NLM-SPCT;

b) Năm cấp chứng chỉ đào tạo: lấy 2 chữ số cuối của năm cấp chứng chỉ;

c) Số thứ tự người lấy mẫu: gồm 3 chữ số;

2. Mã số của người kiểm định giống cây trồng gồm 3 phần:

a) Chữ viết tắt Người kiểm định giống cây trồng: NKĐ-GCT;

b) Năm cấp chứng chỉ đào tạo: lấy 2 chữ số cuối của năm cấp chứng chỉ;

c) Số thứ tự người kiểm định: gồm 3 chữ số;

3. Mã số của Tổ chức chứng nhận gồm 3 phần (đối với TCCN do Bộ NN&PTNT chỉ định) và 4 phần (đối với TCCN do Sở NN&PTNT chỉ định):

a) Chữ viết tắt Tổ chức chứng nhận giống, sản phẩm cây trồng và phân bón: TCCN-GCT, TCCN-SPCT, TCCN-PB;

Đối với tổ chức chứng nhận trên địa bàn tỉnh: bổ sung thêm chữ viết tắt của tỉnh. Ví dụ: TCCN-SPCT- HN (Hà Nội), TCCN-SPCT-HCM (Hồ Chí Minh).

b) Năm được chỉ định: lấy 2 chữ số cuối của năm ký quyết định;

c) Số thứ tự của tổ chức chứng nhận được chỉ định gồm 2 chữ số;

Ví dụ: Mã số của tổ chức chứng nhận sản phẩm cây trồng được chỉ định thứ 03 của năm 2010 do Bộ Nông nghiệp và PTNT chỉ định là TCCN-SPCT 10-03.

Mã số của tổ chức chứng nhận sản phẩm cây trồng được chỉ định thứ 03 của năm 2010 do Sở Nông nghiệp và PTNT thành phố Hồ Chí Minh chỉ định là TCCN-SPCT-HCM 10-03.